

Bản án số: 31/2020/DS-ST

Ngày 29 - 9 - 2020

“Về việc Tranh chấp hợp đồng vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TV, TỈNH TV

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Đặng Văn Dũng

- Thư ký - phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh TV.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TV, tỉnh TV tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Em, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố TV xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020 (Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST-DS ngày 11/9/2020) giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T T, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Số 78/22D khóm 9, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Trầm Phú L, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Ấp Ch Ch, xã PH, huyện TC, tỉnh VL (theo văn bản ủy quyền ngày 13/6/2020 - có mặt).

Bị đơn:

- Bà Đặng Thị M, sinh năm 1962 (vắng mặt);

- Ông Nguyễn N H, sinh năm 1960 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Số 28/71, khóm 1, phường 3, thành phố TV, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trầm Phú L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Do chỗ quen

biết và tin tưởng nhau nên bà Nguyễn Thị T T có cho vợ chồng bà Đặng Thị M và ông Nguyễn N H vay 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) theo các biên nhận vay cụ thể như sau:

- Ngày 06/12/2019 vay 30.000.000đ;
- Ngày 24/12/2019 vay 30.000.000đ;
- Ngày 18/01/2020 vay 10.000.000đ
- Ngày 20/02/2020 vay 30.000.000đ.

Khi vay tiền thì bà M có làm biên nhận nợ do chính bà M viết và ký tên để làm tin. Vợ chồng bà Đặng Thị M và ông Nguyễn N H có hứa trả lại số tiền nợ đã vay cho bà T nhưng đến nay vợ chồng bà Đặng Thị M và ông Nguyễn N H không chịu trả số tiền nêu trên cho bà T. Nay, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Đặng Thị M và ông Nguyễn Ngọc H liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T T số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Đặng Thị M và ông Nguyễn N H vắng mặt tại phiên tòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TV, tỉnh TV phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Riêng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

+ Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 100.000.000đ còn thiếu theo yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật Tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị T T khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị M và ông Nguyễn N H trả cho bà M số tiền 100.000.000đ nên quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Đặng Thị M và ông Nguyễn N H có nơi cư trú số 28/71, khóm 1, phường 3,

thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh TV theo điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Thời hiệu khởi kiện của vụ án này là 03 năm theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy, thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn là còn.

- *Việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú và lý do vắng mặt của bà M, nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố TV tham phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:*

+ Ngày 13/6/2020 nguyên đơn ủy quyền cho ông Trầm Phú L đại diện tham gia tố tụng. Xét, việc ủy quyền của nguyên đơn phù hợp theo quy định của pháp luật.

+ Tòa án đã tiến hành tổng đạt: Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, số 169 Phạm Ngũ Lão, khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh cho bị đơn (bà Đặng Thị M, ông Nguyễn N H) nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Quan hệ vay tiền giữa bà Đặng Thị M và bà Nguyễn Thị T T là quan hệ vay tiền có làm biên nhận, tổng số tiền bà M vay của bà T là 100.000.000đ có chữ ký, có ghi ngày tháng năm vay tiền và nơi cư trú của bên vay tiền là bà Đặng Thị M. Theo các biên nhận vay tiền do bà T cung cấp cho Tòa án thì giữa bà T và bà M không có thỏa thuận thời hạn và lãi suất cho vay, nên quan hệ vay tiền giữa bà M với bà T thuộc trường hợp vay không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên bà T có quyền yêu cầu bà M trả bất kỳ lúc nào. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của bà T có nhiều lời khai, do chỗ quen biết, bạn bè với bà M nên bà T có cho bà T vay nhiều lần với tổng tiền là 100.000.000đ, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà M trả cho bà số tiền 100.000.000đ nhưng bà M vẫn không trả.

Tại thời điểm vay tiền lần cuối là ngày 20/02/2020 thì bà M còn ở nơi cư trú số 28/71, khóm 1, phường 3, thành phố TV, tỉnh TV nhưng sau đó bà M đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho bà T biết về nơi cư trú mới của mình theo

quy định tại khoản 3, Điều 40 nên được coi là bà M cố tình giấu địa chỉ, điều này cho thấy bị đơn tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trầm Phú L người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn N H, không yêu cầu ông H có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là tự nguyện, không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu bà T đã rút theo quy định tại khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Về lãi suất*: Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T T không yêu cầu bà M trả lãi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố TP*: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, cần buộc bà Đặng Thị M phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T T số tiền 100.000.000đ.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: bà Đặng Thị M phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; và Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 40; Điều 429; Điều 463; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T T.

Buộc bà Đặng Thị M phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T T số tiền gốc 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Bà T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của bà T đã rút đối với ông Nguyễn N H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bà Đặng Thị M phải có nghĩa vụ nộp 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Thủy số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000đ theo biên lai thu tiền số 0009333 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố TV, tỉnh TV.

3. Thi hành toàn bộ bản án tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo, kháng nghị*: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TP TV;
- THADS TP TV;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Gấm

